

Bản án số: 10/2018/ST-HNGĐ
Ngày 29/03/2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân
và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Duệ.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Hữu Đệ.
2/ Ông Dương Xuân Thìn.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Đỗ Duy Khoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 461/2017/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017. Về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐST- HNGĐ ngày 09/02/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2018/QĐST- HNGĐ ngày 09/3/2018. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1986.

HKTT: Thôn AL, xã AD, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Tạm trú: Đ8, thôn HD, xã KC, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Viết B – Sinh năm 1982.

HKTT: Thôn NT, xã TN, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tạm trú: Đ8, thôn HD, xã KC, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị T.

Vắng mặt: Anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 14/9/2017 và các lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị T kết hôn với anh B trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã AD, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ngày 03/3/2012. Sau khi cưới chị T và anh B thuê nhà tại Đ8, thôn HD, xã KC, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội chung sống đến khi vợ chồng sống ly thân lần cuối cùng từ tháng 4/2017 đến nay. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng sống không hợp nhau trong tính cách, trong nhận thức và không tin tưởng nhau trong cuộc sống hàng ngày; Ngoài ra, anh B không quan tâm hay trách nhiệm gì tới vợ, con; anh B hay chơi cờ bạc, ngoại tình dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau; anh B luôn xúc phạm nhân phẩm và đánh đập chị T nhiều lần, làm cho cuộc sống gia đình bị ức chế, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc; vợ chồng đã sống

ly thân nhiều lần: Lần đầu vợ chồng sống ly thân 06 tháng, từ tháng 6/2012; Lần hai vợ chồng sống ly thân 07 tháng, từ tháng 8/2013 và lần 3 vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay và hai bên không có quan hệ hay trách nhiệm gì với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc và trầm trọng, không thể khắc phục được; tình cảm vợ chồng không còn; hạnh phúc gia đình không có, chị T yêu cầu được ly hôn anh B.

+ Về con chung: Vợ, chồng chị T và anh B có 01 con chung là Nguyễn Việt M, sinh ngày 24/10/2012; hiện tại cháu M đang ăn ở cùng anh B. Ly hôn anh B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B nuôi con, chị T xin cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng, đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Hiện nay, chị T làm y tá tại Công ty SAM SUNG Việt Nam, khu Công nghiệp Yên phong, tỉnh Bắc Ninh thu nhập bình quân 7.000.000đ/tháng.

+ Về tài sản: Về tài sản chung, công sức, nợ chung, nhà ở, đất ở chung, đất nông nghiệp: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị T xin chịu cả.

Ngoài ra, chị T không còn ý kiến gì thêm.

* Theo bản tự khai ghi ngày 10/10/2017 và các lời khai tiếp theo anh Nguyễn Việt B trình bày: Anh B kết hôn với chị T trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã AD, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ngày 03/3/2012. Sau khi cưới chị T và anh B thuê nhà tại Đ8, thôn HD, xã KC, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội chung sống đến khi vợ chồng sống ly thân lần cuối cùng từ tháng 6/2017 đến nay. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau trong tính cách, trong nhận thức và không tin tưởng nhau trong cuộc sống hàng ngày; Trước khi kết hôn với chị T, anh B có chơi cờ bạc, nhưng sau khi kết hôn anh B không chơi cờ bạc gì nữa; anh B không ngoại tình với ai và luôn quan tâm, có trách nhiệm tới vợ con; Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra cãi nhau và anh B có lời nói xúc phạm chị T nhưng chỉ là mâu thuẫn sinh hoạt hàng ngày không lớn; anh B không đánh chị T. Vợ chồng có mâu thuẫn chính là do anh B nói chuyện với chị T về quê làm ăn lo cho cuộc sống sau này, nhưng chị T không nhất trí nên vợ chồng có mâu thuẫn. Do vợ chồng có nhiều lần mâu thuẫn nên vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân; Lần đầu vợ chồng sống ly khoảng 03 tháng từ tháng 6/2012; Lần hai vợ chồng sống ly 07 tháng từ tháng 8/2013 và lần 3 từ tháng 6/2017 đến nay và hai bên không có quan hệ hay trách nhiệm gì với nhau.

Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả; địa phương chưa hòa giải vì vợ chồng không có đơn yêu cầu. Nay chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc và trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, chị T yêu cầu được ly hôn. Anh B không nhất trí, vì anh B xác định tình cảm của anh B đối với chị T vẫn còn.

+ Về con chung: Vợ, chồng anh B và chị T có 01 con chung là Nguyễn Việt M, sinh ngày 24/10/2012; hiện tại cháu M đang ăn ở cùng anh B. Nếu phải ly hôn anh B xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M đến khi con

chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B nuôi con chung không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng, đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án thì anh B cũng nhất trí. Hiện nay anh B là kỹ sư, làm việc tại Công ty cổ phần điện nhẹ Viễn thông, thu nhập bình quân 8.000.000đ/tháng.

+ Về tài sản: Về tài sản chung, công sức, nợ chung, nhà ở, đất ở chung, đất nông nghiệp: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị T xin chịu cả, anh B nhất trí.

Ngoài ra, anh B không còn ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tham gia tố tụng dân sự là bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ và lời khai đương sự tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 28, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Việt B.

+ Ghi nhận sự thỏa thuận của hai anh chị, giao cháu Nguyễn Việt M cho anh B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng.

+ Về tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp: Không giải quyết.

- Về án phí: Vụ án áp dụng án phí không giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra, đánh giá tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Vụ án thụ lý có quan hệ pháp luật về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn AL, xã AD, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; Anh B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn NT, xã TN, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Chị T và anh B đều có đăng ký tạm trú tại Đ8, thôn HD, xã KC, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội; Chị T và anh B

đều có lời khai yêu cầu giải quyết ly hôn tại Tòa án huyện Đông Anh. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh theo qui định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục: Chị T và anh B đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa án làm việc, lấy lời khai của anh B và giao thông báo hòa giải, chị T và anh B đều chấp hành theo đúng qui định của pháp luật;

Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự, nhưng anh B đều không có mặt để làm việc, tại phiên tòa lần đầu và lần này anh B vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh B và dành quyền kháng cáo cho anh B theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về hôn nhân: Chị T và anh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã AD, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Giấy đăng ký kết hôn số 14/2012 ngày 03/3/2012. Vì vậy, hôn nhân của chị T và anh B là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị T và anh B đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau trong tính cách, trong nhận thức và không tin tưởng nhau trong cuộc sống hàng ngày, anh B không quan tâm hay trách nhiệm gì tới vợ con; chơi cờ bạc dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau; anh B có lời nói xúc phạm đến chị T làm cho cuộc sống gia đình bị ức chế, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân nhiều lần; Lần đầu vợ chồng sống ly thân 06 tháng từ tháng 6/2012; Lần hai vợ chồng sống ly thân 07 tháng từ tháng 8/2013 và lần 3 từ tháng 4/2017 đến nay và hai bên không có quan hệ hay trách nhiệm gì với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả.

Nay chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc và kéo dài; Tình cảm vợ chồng không còn; hạnh phúc gia đình không có, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu được ly hôn anh B. Anh B có lời khai không đồng ý ly hôn, tại phiên tòa anh B vẫn vắng mặt. Như vậy, việc anh B không đồng ý ly hôn là không thực tâm mà chỉ nhằm gây khó khăn cho chị T, nếu cứ để hôn nhân kéo dài cũng không có hạnh phúc cho hai bên. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh B để giải phóng cho cả hai bên yên ổn làm ăn, ổn định cuộc sống, nuôi dạy con chung là phù hợp.

[4.2] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh B có 01 con chung là Nguyễn Viết M, sinh ngày 24/10/2012, hiện tại cháu M đang ăn ở cùng anh B. Ly hôn chị T nhất trí để anh B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M đến khi cháu M thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở. Anh B vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời khai nếu phải ly hôn anh B xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Xét thấy: Việc giao con chưa thành niên cho ai trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và cũng là quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chưa thành niên. Hiện tại, cháu M đang do anh B

trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu M đang ăn ở ổn định và chị T có lời khai nhất trí để anh B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M. Vì vậy, giao cho anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M, đến khi cháu M thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con:

- Chị T xin cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Chị T làm y tá tại Công ty SAM SUNG Việt Nam, khu Công nghiệp Yên phong, tỉnh Bắc Ninh thu nhập bình quân 7.000.000đ/tháng;

- Anh B vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời khai: Anh B nuôi con không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án thì anh B cũng nhất trí. Anh B là kỹ sư làm tại Công ty cổ phần điện nhẹ Viễn thông thu nhập bình quân 8.000.000đ/tháng.

Xét thấy: Việc cấp dưỡng nuôi con là quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chưa thành niên. Hiện tại chị T có việc làm và thu nhập ổn định; anh B cũng có việc làm và có thu nhập ổn định. Vì vậy, ghi nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng nuôi con chung cho anh B 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 4/2018 đến khi cháu M thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

[4.3] Về tài sản: Tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp: Vợ chồng chị T, anh B xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

[4.4] Về án phí sơ thẩm:

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000đ, chị T phải chịu để sung công quỹ nhà nước.

- Về án phí cấp dưỡng sơ thẩm: 300.000đ, chị T phải chịu để sung công quỹ nhà nước.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 203, 220, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5, Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kèm theo Danh mục án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Về hôn Nhân:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

- Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Việt B.

[2] Về con chung: Giao con chung của anh B và chị T là cháu Nguyễn Việt M, sinh ngày 24/10/2012, cho anh Nguyễn Việt B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu M thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Việt B 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 4/2018 đến khi cháu M thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

[3] Về tài sản: Tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp: Chị T, anh B xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng sơ thẩm; Tổng cộng 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng, để sung công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị T đã nộp theo biên lai thu số AB/2015/0000785 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị T còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng, để sung công quỹ nhà nước.

[5] Án xử sơ thẩm công khai, chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt án vắng mặt hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự.
- VKSNDH. Đông Anh.
- TAND TP. Hà Nội.
- THADS huyện Đông Anh
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Huy Duệ